

## ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ 2 – ĐỀ 5

## MÔN: TIẾNG ANH 4



BIÊN SOẠN: BAN CHUYÊN MÔN LOIGIAIHAY.COM

**I. Odd one out.**

1.

A. pretty

B. short

C. salmon

D. beautiful

2.

A. lunch

B. footballer

C. engineer

D. writer

3.

A. doctor

B. musician

C. factory

D. singer

4.

A. rice

B. time

C. cabbage

D. milk

5.

A. fat

B. slim

C. tall

D. pork

**II. Choose the correct answer.**

1. The apple is \_\_\_\_\_ the table.

A. on

B. at

C. in

2. \_\_\_\_\_ does your sister do? – She is a nurse.

A. What

B. When

C. How

3. His brother is \_\_\_\_\_ than him.

A. tall

B. more tall

C. taller

4. Would you like some orange juice? - \_\_\_\_\_.

A. Hello

B. It's good.

C. Yes, please.

5. I \_\_\_\_\_ hungry. Do you have something to eat?

A. am

B. is

C. be

6. She often \_\_\_\_\_ her homework at 8 p.m.

A. has

B. does

D. makes

7. My mother is a doctor. She works in a \_\_\_\_\_.

A. factory

B. office

C. hospital

### III. Read and match.

1 What is your favourite food?

A. He's tall and good-looking.

2. What does he look like?	B. Yes, she does.
3. Does she arrive home at 5:30 P.M?	C. At 12:00 P.M.
4. What time do they have lunch?	D. From Monday to Friday.
5. When do you go to school?	E. I like fried chicken.

**IV. Find ONE mistake in each sentence and correct it.**

1. She always gets up at six at the morning.
2. Would you like many pineapple juice?
3. I don't not like chicken.
4. She is a pretty girls.
5. What are your grandparents look like?

**V. Read the passage and answer questions.**

People in Japan celebrate Children's Day on May 5th. This day is a national holiday. During the time around Children's Day, families do many things to celebrate this day. They put iris leaves and roots in the bathtub of their children. They believe that the iris leaves and roots are good for children's health and protect them from diseases. The bathhouses open early in the morning and close late in the evening on this day. People also eat a special rice cake. It has sweet red bean paste inside. Children's Day is a great day for families because family members can have an enjoyable time together.

1. When is Children's Day in Japan?
2. Is Children's Day a big holiday in Japan?
3. Why do Japanese put iris leaves and roots in the bathtub of their children?
4. What do Japanese eat during Children's Day?
5. Why is Children's Day a great day for Japanese families?

**VI. Rearrange to make correct sentences.**

1. you/ Would/ some/ like/ coffee?

\_\_\_\_\_?

2. My sister/ than/ me/ thinner/ is.

\_\_\_\_\_.

3. father/ Where/ your/ work/ does

\_\_\_\_\_?

-----THE END-----

**ĐÁP ÁN**

Thực hiện: Ban chuyên môn Loigiaihay.com

**I. Odd one out.**

1. C	2. A	3. C	4. B	5. D
------	------	------	------	------

**II. Choose the correct answer.**

1. A	2. A	3. C	4. C	5. A	6. B	7. C
------	------	------	------	------	------	------

**III. Read and match.**

1 – E	2 – A	3 – B	4 – C	5 – D
-------	-------	-------	-------	-------

**IV. Find ONE mistake in each sentence and correct it.**

- at => in
- many => some
- bỏ not
- girls => gils
- are => do

**V. Read the passage and answer questions.**

- It's on May 5<sup>th</sup>.
- Yes, it is.
- Because they believe that the iris leaves and roots are good for children's health and protect them from diseases.
- They eat a special rice cake.
- Because family members can have enjoyable time together.

**VI. Rearrange to make correct sentences.**

- Would you like some coffee?
- My sister is thinner than me.
- Where does your father work?

**LỜI GIẢI CHI TIẾT****I. Odd one out.**

(Chọn từ khác loại.)

1. C

pretty (adj): *xinh xắn*short (adj): *thấp, ngắn*

salmon (n): cá hồi

beautiful (adj): đẹp

**Giải thích:** Đáp án C là danh từ trong khi những phương án còn lại đều là tính từ.

2. A

lunch (n): bữa trưa

footballer (n): cầu thủ bóng đá

engineer (n): kỹ sư

writer (n): nhà văn, tác giả

**Giải thích:** Đáp án A là danh từ chỉ một bữa ăn trong ngày, trong khi những phương án còn lại đều là danh từ chỉ nghề nghiệp.

3. C

doctor (n): bác sĩ

musician (n): nhạc sĩ

factory (n): nhà máy

singer (n): ca sĩ

**Giải thích:** Đáp án C là danh từ chỉ một địa điểm, trong khi những phương án còn lại đều là danh từ chỉ nghề nghiệp.

4. B

rice (n): gạo, cơm

time (n): thời gian

cabbage (n): bắp cải

milk (n): sữa

**Giải thích:** Đáp án B là danh từ chỉ chung, trong khi những phương án còn lại đều là danh từ chỉ đồ ăn.

5. D

fat (adj): béo, mập

slim (adj): gầy

tall (adj): cao

pork (n): thịt lợn

**Giải thích:** Đáp án D là danh từ, trong khi những phương án còn lại đều là tính từ.

## II. Choose the correct answer.

(Chọn đáp án đúng.)

1. A

On: ở trên (chỉ sự tiếp xúc bề mặt.)

The apple is **on** the table.

(Quả táo ở trên bàn.)

2. A

Cấu trúc hỏi nghề nghiệp của ai đó:

What + do/does + S + do?

**What** does your sister do? – She is a nurse.

(Chị gái cậu làm nghề gì vậy? – Chị ấy là một y tá.)

3. C

Cấu trúc câu so sánh hơn với tính từ ngắn:

**S + to be + tính từ ngắn đuôi “er” + than + tân ngữ.**

His brother is **taller** than him.

(Em trai của anh ấy cao hơn anh ấy.)

4. C

Would you like some orange juice? – **Yes, please.**

(Cậu muốn chút nước cam chứ? – Vâng, làm ơn.)

5. A

Chủ ngữ trong câu này là “I” nên động từ to be đi kèm phải là “am”.

I **am** hungry. Do you have something to eat?

(Mình đói quá. Cậu có gì ăn không?)

6. B

Do homework: làm bài tập về nhà

Vì chủ ngữ trong câu này là “She” nên động từ chính trong câu cần phải chia.

She often **does** her homework at 8 p.m.

(Cô ấy thường làm bài tập về nhà lúc 8 giờ tối.)

7.

factory (n): nhà máy

office (n): văn phòng

hospital (n): bệnh viện

My mother is a doctor. She works in a **hospital**.

(Mẹ tôi là một bác sĩ. Bà ấy làm việc ở bệnh viện.)

### III. Read and match.

1. What is your favourite food?	A. He's tall and good-looking.
2. What does he look like?	B. Yes, she does.
3. Does she arrive home at 5:30 P.M?	C. At 12:00 P.M.
4. What time do they have lunch?	D. From Monday to Friday.
5. When do you go to school?	E. I like fried chicken.

### IV. Find ONE mistake in each sentence and correct it.

(Tìm MỘT lỗi sai trong từng câu sau và sửa lại.)

1. at => in

In the morning: vào buổi sáng

**Sửa:** She always gets up at six **in** the morning.

(Cô ấy luôn thức dậy lúc 6 giờ vào buổi sáng.)

2. many => some

Câu trúc mời ai đó ăn/uống gì:

**Would you like some + N?**

**Sửa:** Would you like **some** pineapple juice?

(Bạn muốn chút nước ép dứa không?)

3. Bỏ not

Don't = do not

**Sửa:** I **don't** like chicken.

(Mình không thích thịt gà.)

4. girls => girl

Mạo từ "a" chỉ đứng trước danh từ/cụm danh từ số ít.

**Sửa:** She is a pretty **girl**.

(Cô ấy là một cô gái xinh xắn.)

5. are => do

Câu trúc hỏi về ngoại hình của ai đó:

**What + do/does + S + look like?**

**Sửa:** What **do** your grandparents look like?

(Ông bà của cậu trông như thế nào vậy?)

**V. Read the passage and answer questions.**

People in Japan celebrate Children's Day on May 5th. This day is a national holiday. During the time around Children's Day, families do many things to celebrate this day. They put iris leaves and roots in the bathtub of their children. They believe that the iris leaves and roots are good for children's health and protect them from diseases. The bathhouses open early in the morning and close late in the evening on this day. People also eat a special rice cake. It has sweet red bean paste inside. Children's Day is a great day for families because family members can have an enjoyable time together.

**Tạm dịch:**

Người dân Nhật Bản kỷ niệm Ngày Thiếu nhi vào ngày 5 tháng Năm. Ngày này là một ngày lễ quốc gia. Trong thời gian gần Ngày Thiếu nhi, các gia đình làm nhiều việc để kỷ niệm ngày này. Họ cho lá và rễ cây diên vĩ vào bồn tắm của con mình. Họ tin rằng lá và rễ cây diên vĩ rất tốt cho sức khỏe của trẻ em và bảo vệ những đứa trẻ khỏi bệnh tật. Các nhà tắm mở cửa vào sáng sớm và đóng cửa vào buổi tối muộn vào ngày này. Mọi người cũng ăn một loại bánh gạo đặc biệt. Nó có nhân đậu đỏ ngọt ngào bên trong. Ngày Quốc tế Thiếu nhi là một ngày tuyệt vời cho các gia đình vì các thành viên trong gia đình có được quãng thời gian vui vẻ bên nhau.

1. When is Children's Day in Japan? (Ngày Thiếu nhi ở Nhật Bản là vào khi nào?)

=> It's on May 5<sup>th</sup>. (Nó diễn ra vào ngày 5 tháng 5.)

**Thông tin:** People in Japan celebrate Children's Day on May 5th.

2. Is Children's Day a big holiday in Japan? (Ngày Thiếu nhi ở Nhật Bản có phải là một ngày lễ lớn hay không?)

=> Yes, it is. (Đúng vậy.)

**Thông tin:** This day is a national holiday. (Ngày này là một ngày lễ quốc gia.)

3. Why do Japanese put iris leaves and roots in the bathtub of their children? (Tại sao người Nhật lại cho lá và rễ cây diên vĩ vào bồn tắm con của họ?)

=> Because they believe that the iris leaves and roots are good for children's health and protect them from diseases. (Bởi vì họ tin rằng lá và rễ cây diên vĩ rất tốt cho sức khỏe của trẻ em và bảo vệ những đứa trẻ khỏi bệnh tật.)



**Thông tin:** They put iris leaves and roots in the bathtub of their children. They believe that the iris leaves and roots are good for children's health and protect them from diseases. (Họ cho lá và rễ cây diên vĩ vào bồn tắm của con mình. Họ tin rằng lá và rễ cây diên vĩ rất tốt cho sức khỏe của trẻ em và bảo vệ những đứa trẻ khỏi bệnh tật.)

4. What do Japanese eat during Children's Day? (Người Nhật ăn gì vào Ngày Thiếu Nhi?)

=> They eat a special rice cake. (Họ ăn một loại bánh gạo đặc biệt.)

**Thông tin:** People also eat a special rice cake. (Mọi người cũng ăn một loại bánh gạo đặc biệt.)

5. Why is Children's Day a great day for Japanese families? (Tại sao Ngày Thiếu nhi là một ngày tuyệt vời đối với người Nhật Bản?)

=> Because family members can have enjoyable time together. (Bởi vì những thành viên trong gia đình có thể có thời gian vui vẻ bên nhau.)

**Thông tin:** Children's Day is a great day for families because family members can have enjoyable time together. (Ngày Quốc tế Thiếu nhi là một ngày tuyệt vời cho các gia đình vì các thành viên trong gia đình có được quãng thời gian vui vẻ bên nhau.)

## VI. Rearrange to make correct sentences.

(Sắp xếp lại các từ để tạo thành những câu đúng.)

1. Would you like some coffee?

(Câu muốn chút cà phê chứ?)

2. My sister is thinner than me.

(Em gái của tôi gầy hơn tôi.)

3. Where does your father work?

(Bố cậu làm việc ở đâu vậy?)